**KHUNG NĂNG LỰC SỐ CÔNG NGHỆ 6 - CTST**

| **STT** | **Bài học/Chủ điểm** | **Hoạt động Công nghệ số điển hình** | **Gợi ý Mã hóa NLS (TC1)** | **Mô tả Năng lực số (Dựa theo Mã hóa NLS TC1)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Bài 1: Nhà ở đối với con người | Tìm kiếm: Giải thích được nhu cầu thông tin về các loại hình nhà ở, vai trò của nhà ở trong các bối cảnh văn hóa khác nhau. | 1.1.TC1a | Giải thích được nhu cầu thông tin. |
| 2 | Bài 2: Sử dụng năng lượng trong gia đình | Đánh giá: Thực hiện phân tích, so sánh, đánh giá được độ tin cậy của các nguồn thông tin về tiết kiệm năng lượng hoặc nguồn năng lượng tái tạo. | 1.2.TC1a | Thực hiện phân tích, so sánh, đánh giá được độ tin cậy và độ chính xác của các nguồn dữ liệu, thông tin. |
| 3 | Bài 3: Ngôi nhà thông minh | Sáng tạo: Lựa chọn các công cụ số phù hợp để tạo ra nội dung số (ví dụ: mô hình sơ đồ) giới thiệu về các thiết bị thông minh. | 3.1.TC1b | Lựa chọn được các công cụ số phù hợp để tạo các loại nội dung số khác nhau. |
| Dự án 1 | Ngôi nhà của em | Cộng tác: Sử dụng các công cụ số để thực hiện các hoạt động hợp tác theo nhóm đơn giản (phác thảo thiết kế nhà, phân công nhiệm vụ). | 5.1.TC1b | Sử dụng các công cụ số để thực hiện các hoạt động hợp tác theo nhóm đơn giản. |
| 4 | Bài 4: Thực phẩm và dinh dưỡng | Tổ chức: Lựa chọn và sử dụng công cụ số để sắp xếp, tổ chức thông tin về các nhóm thực phẩm và chế độ dinh dưỡng hợp lí. | 2.3.TC1a | Lựa chọn và sử dụng công cụ số để sắp xếp, tổ chức thông tin, dữ liệu số theo tiêu chí nhất định. |
| 5 | Bài 5: Bảo quản và chế biến thực phẩm | Sáng tạo: Tạo nội dung số dưới dạng văn bản (quy trình, công thức) về cách bảo quản/chế biến một món ăn. | 3.1.TC1a | Tạo nội dung số dưới dạng văn bản (tóm tắt, văn bản tường thuật, báo cáo). |
| 6 | Bài 6: Các loại vải thường dùng trong may mặc | Tìm kiếm: Thực hiện được rõ ràng và theo quy trình các tìm kiếm về các loại vải, đặc tính và ứng dụng của chúng. | 1.1.TC1b | Thực hiện được rõ ràng và theo quy trình các tìm kiếm để tìm dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. |
| 7 | Bài 7: Trang phục | Tổ chức: Sử dụng các công cụ số để tổ chức, phân loại, kết nối và liên kết thông tin về cách lựa chọn và bảo quản trang phục. | 2.3.TC1b | Sử dụng các công cụ số để tổ chức, phân loại, kết nối và liên kết thông tin, dữ liệu số. |
| 8 | Bài 8: Thời trang | Chia sẻ: Lựa chọn được công cụ và hình thức phù hợp (trình chiếu, blog đơn giản) để chia sẻ ý tưởng về thời trang và phong cách cá nhân. | 3.3.TC1a | Lựa chọn được công cụ và hình thức phù hợp để chia sẻ sản phẩm học tập/tài liệu. |
| 9 | Bài 9: Sử dụng đồ dùng điện trong gia đình | Xử lí vấn đề: Gắn kết được cá nhân và tập thể vào quá trình xử lý nhận thức về việc sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả. | 5.3.TC1b | Gắn kết được cá nhân và tập thể vào một số quá trình xử lý nhận thức để hiểu và giải quyết các vấn đề mang tính khái niệm. |
| 10 | Bài 10: An toàn điện trong gia đình | An toàn số: Giải thích được nhu cầu bảo vệ thông tin cá nhân và quyền riêng tư khi tìm hiểu, thảo luận về vấn đề an toàn điện trên mạng. | 5.2.TC1a | Giải thích được nhu cầu bảo vệ thông tin cá nhân và quyền riêng tư. |
| 11 | Bài 11: Thực hành (Chế biến món ăn đơn giản/Dự án) | Sử dụng AI: Thực hành được các kỹ năng sử dụng AI thông qua các bài tập và dự án nhỏ (ví dụ: tìm kiếm công thức, tính toán chi phí). | 6.2.TC1b | Thực hành được các kỹ năng sử dụng AI thông qua các bài tập và dự án nhỏ. |